TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 102/2018/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 03 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: - Anh Trịnh Đình T, sinh năm 1985, ĐKHKTT: Thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở hiện nay: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1988; ĐKHKTT: xóm 7, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Trịnh Đình T và chị Nguyễn Thị Hương G

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con cái: anh Trịnh Đình T và chị Nguyễn Thị Hương G thỏa thuận để chị Giang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung của vợ chồng là Trịnh Nguyễn Bảo T, sinh ngày 09/10/2013, Trịnh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/10/2015 và Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 07/5/2017. Anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị G là 1.000.000đ (một triệu đồng) / 1 con/ 1 tháng. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: anh Trịnh Đình T và chị Nguyễn Thị Hương G thỏa thuận để anh T nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002904 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Phạm Thế Anh
(Đã ký)